

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2024

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 222/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1990; CCCD số 049090030xxx, cấp ngày 11/01/2022; Địa chỉ: Tổ E, thôn T, xã T, Tp Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1993; CCCD số 033193009xxx, cấp ngày 11/01/2022; Địa chỉ: E H, Tổ F, phường H, Tp Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 kết hôn năm 2016 tại xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại E H, Tổ F, H, Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do giữa vợ chồng ông T và bà T1 phát sinh những quan điểm trái ngược về nơi cư trú và định hướng sự nghiệp, ông T mong muốn về quê lập nghiệp, phụng dưỡng cha mẹ và thờ cúng tổ tiên vì ông T là con trai trưởng của cả họ, bà T1 có công việc và muốn tiếp tục phát triển tại Tp Đà Nẵng. Do khoảng cách địa lý và thiếu tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt và hiện nay đang sống ly thân. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn. Xét sự thuận tình ly hôn của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật,

không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận là có cơ sở, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T2, sinh ngày 11/9/2016 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 25/02/2019. Ly hôn, ông T và bà T1 thỏa thuận giao 02 con chung cho bà T1 chăm sóc và nuôi dưỡng, ông T sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu đồng).

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 không yêu cầu giải quyết.

[4] Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng): Ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T2, sinh ngày 11/9/2016 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 25/02/2019 cho bà Nguyễn Thị T1 chăm sóc nuôi dưỡng, ông T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (*Ba triệu đồng*).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 không yêu cầu giải quyết.

2. Lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 đã nộp theo biên lai thu số 0003560 ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
  - VKSND KV4-Đà Nẵng;
  - Phòng THADS KV4-Đà Nẵng;
  - UBND xã Ea Kar, Đắk Lắk;
- (Số ĐKKH: 33, ngày 17/6/2016  
tại UBND xã Xuân Phú, H.Ea Kar, T.Đắk Lắk)
- Lưu HS, TH.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Mỹ Loan**